

# Phát Triển Ngôn Ngữ Của Trẻ Em: Từ Sơ Sinh Đến Lớp Tiểu Học



Phạm Thùy Giang

Chuyên Gia Âm Ngữ Trị Liệu

# Phát triển Thính Giác



Em bé mới sinh đã biết nhận ra giọng nói của người mẹ.

# “Quốc Tịch Của Thế Giới” (Citizens of the World)

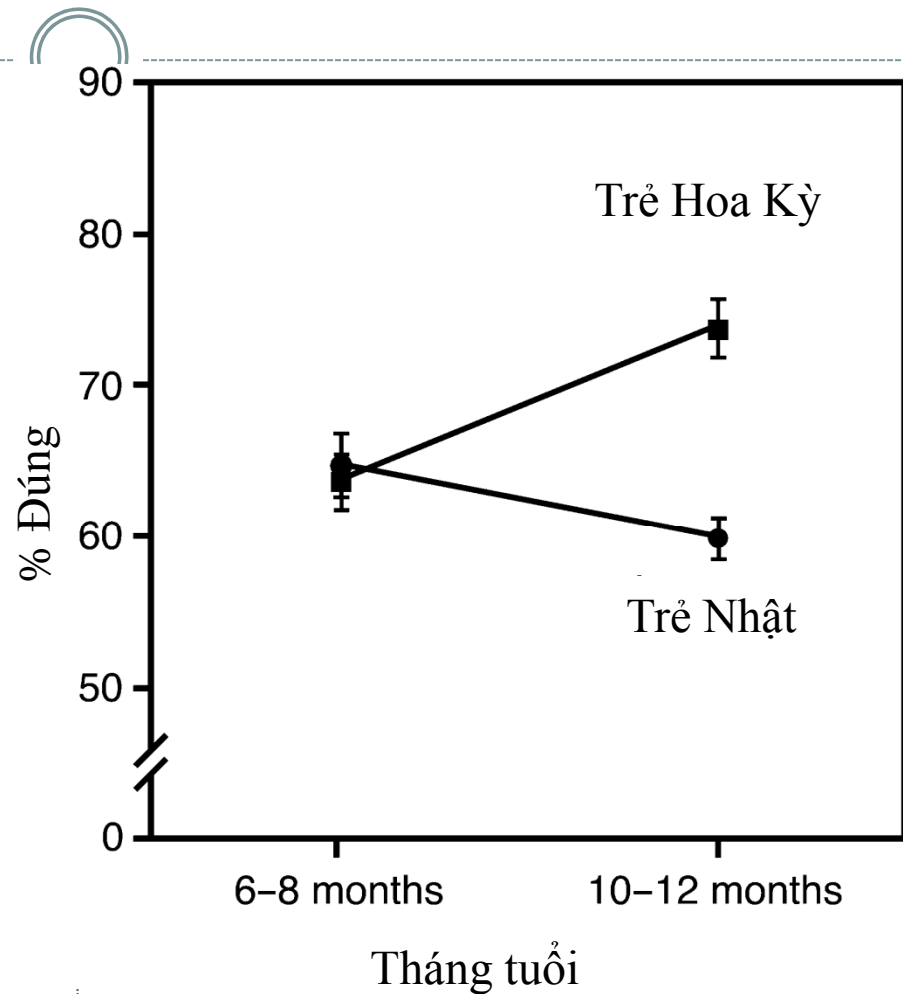


Em bé mới sinh có thể phân biệt tất cả các âm của các ngôn ngữ trên thế giới.

Kuhl, 1993

## Phân biệt giữa âm r /l

Trẻ em 1 tuổi bắt đầu tập trung vào các âm trong ngôn ngữ của mình.



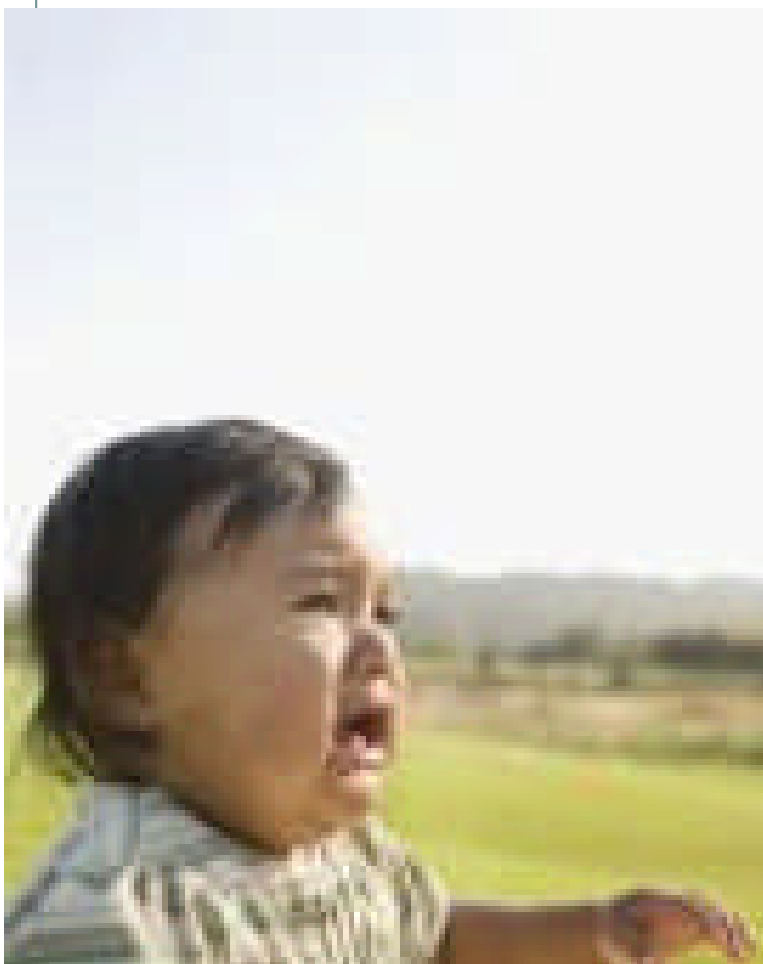
# Bản Tính Con Người



- Mong muốn giao tiếp với người xung quanh
- Mong giống như người khác (bắt chước)

Tomasello, 2003, *Constructing a Language*

# Phát triển lời nói: Tiếng khóc, tiếng gù



# Phát Triển Lời Nói: Tiếng Bập Bẹ



# Chức Năng Giao Tiếp Của Trẻ Nhỏ



- Đạt được sự giúp đỡ của người xung quanh
- Làm cho người xung quanh chú ý
- Chia sẻ sự chú ý với người khác

Cross, 2001





## Sự phát triển ngôn ngữ

Đơn 8 – 16 tháng: Hơn 390 từ, 60 cử chỉ

Đơn 16 – 30 tháng; Hơn 600 từ, 120 ngữ pháp

Phụ huynh ghi dấu những từ, cử chỉ, và ngữ pháp con em “hiểu không” và “hiểu và nói”

Hơn 1.700 gia đình Mỹ tham gia (hơn 50 trẻ em mỗi tháng tuổi)

Được nghiên cứu trong hơn 47 ngôn ngữ

Child's Name \_\_\_\_\_ Sex \_\_\_\_\_  
Birthdate \_\_\_\_\_ Today's Date \_\_\_\_\_

**The MacArthur Communicative Development Inventory: Words and Sentences**

Copyright 1993. All Rights Reserved.  
The Communication and Symbolic Usage Scales Group, Inc.  
4384 La Jolla Village Drive, San Diego, CA 92161  
Call for more information: 619-594-9200

Prepare Mark

**PART 1 WORDS CHILDREN USE**

**A. VOCABULARY CHECKLIST**

Children understand many more words than they say. We are particularly interested in the words through the list and mark the words you have heard your child use. If your child uses a different example, "billy" instead of "billy", or "daddy" for "daddy", mark the word across. Record all of the words that are used by many different children. Don't worry if your child knows only a few words.

**1. SOUND EFFECTS AND ANIMAL SOUNDS (12)**

bee buzz	<input type="checkbox"/>	meow	<input type="checkbox"/>
chick chirp	<input type="checkbox"/>	quack	<input type="checkbox"/>
chuck/chuck	<input type="checkbox"/>	roar	<input type="checkbox"/>
cat	<input type="checkbox"/>	woof/woof	<input type="checkbox"/>

**2. ANIMALS (Read or Type) (42)**

elephant	<input type="checkbox"/>	sheep	<input type="checkbox"/>
animal	<input type="checkbox"/>	wholph	<input type="checkbox"/>
ant	<input type="checkbox"/>	fish	<input type="checkbox"/>
bat	<input type="checkbox"/>	frog	<input type="checkbox"/>
bee	<input type="checkbox"/>	giraffe	<input type="checkbox"/>
bird	<input type="checkbox"/>	lion	<input type="checkbox"/>
bug	<input type="checkbox"/>	monkey	<input type="checkbox"/>
cat	<input type="checkbox"/>	snake	<input type="checkbox"/>
chicken	<input type="checkbox"/>	toad	<input type="checkbox"/>
cow	<input type="checkbox"/>	whisper	<input type="checkbox"/>
dog	<input type="checkbox"/>	whistle	<input type="checkbox"/>
duck	<input type="checkbox"/>	wool	<input type="checkbox"/>

Printed in U.S.A. Reprinted by permission of the Communication and Symbolic Usage Scales Group, Inc.

Child's Name \_\_\_\_\_ Sex \_\_\_\_\_  
Birthdate \_\_\_\_\_ Today's Date \_\_\_\_\_

**The MacArthur Communicative Development Inventory: Words and Gestures**

Copyright 1993. All Rights Reserved.  
The Communication and Symbolic Usage Scales Group, Inc.  
4384 La Jolla Village Drive, San Diego, CA 92161  
Call for more information: 619-594-9200

Prepare Mark

**PART I EARLY WORDS**

**A. FIRST SIGNS OF UNDERSTANDING**

Before children begin to speak, they show signs of understanding language by responding to familiar words and phrases. Below are some common examples. Show your child the way of these?

1. Respond when name is called (e.g., by turning and looking at parent)	<input type="checkbox"/>	Yes	<input type="checkbox"/>	No	<input type="checkbox"/>
2. Respond to "no" (by stopping what he/she is doing, at least for a moment)	<input type="checkbox"/>	Yes	<input type="checkbox"/>	No	<input type="checkbox"/>
3. Respond to "there's someone there" by looking around for them	<input type="checkbox"/>	Yes	<input type="checkbox"/>	No	<input type="checkbox"/>

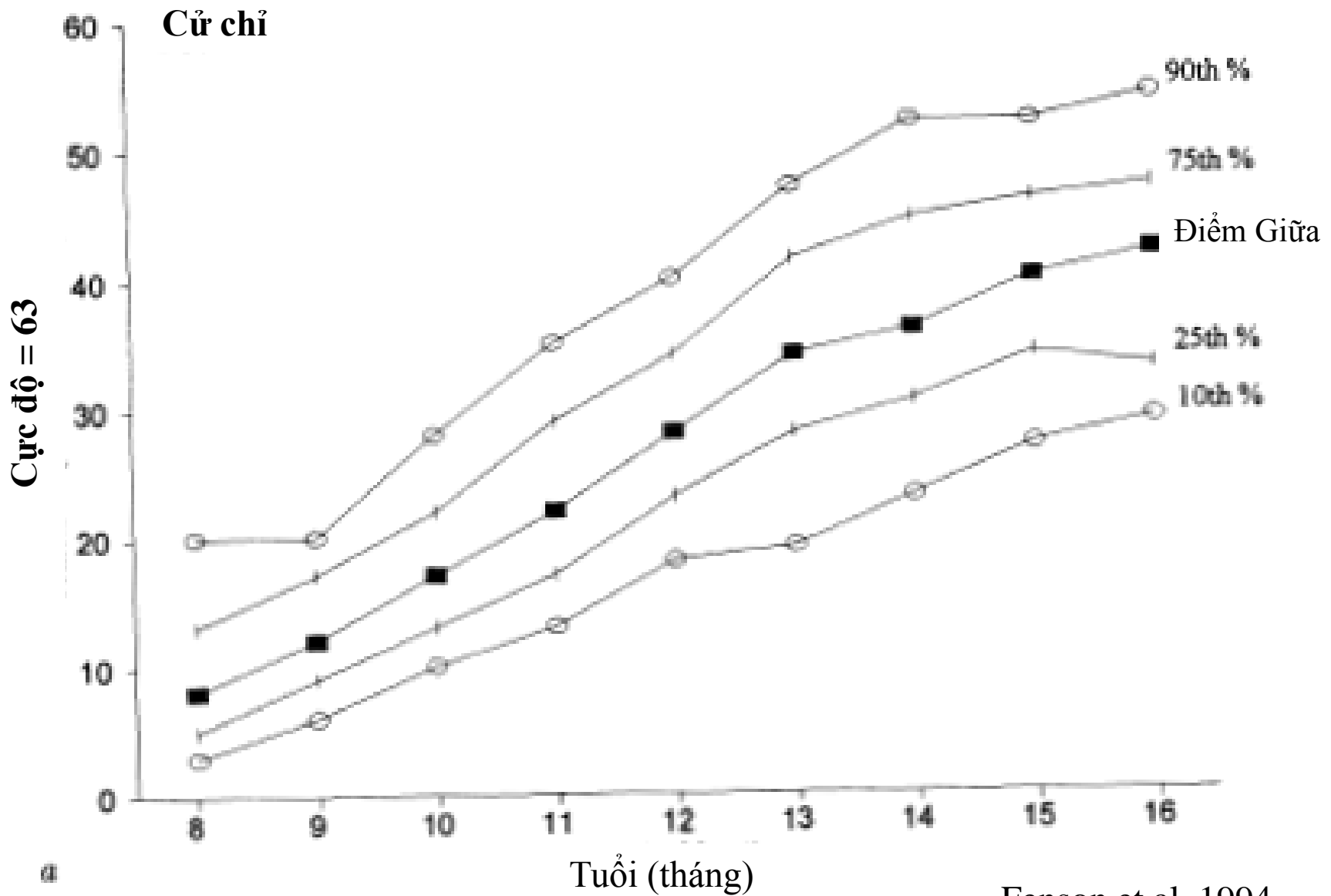
**B. PHRASES (20)**

In the list below, please mark the phrases that your child seems to understand.

understands		understands		understands	
Are you hungry?	<input type="checkbox"/>	Shut the door.	<input type="checkbox"/>	Open your mouth.	<input type="checkbox"/>
Are you tired/sleepy?	<input type="checkbox"/>	Get up.	<input type="checkbox"/>	Get down.	<input type="checkbox"/>
Be careful.	<input type="checkbox"/>	Show it to mommy.	<input type="checkbox"/>	Put it out.	<input type="checkbox"/>
Be quiet.	<input type="checkbox"/>	Show me a dog.	<input type="checkbox"/>	Show it.	<input type="checkbox"/>
Close your hands.	<input type="checkbox"/>	Show me a fish.	<input type="checkbox"/>	Show to go right-right.	<input type="checkbox"/>
Change places.	<input type="checkbox"/>	Go get _____.	<input type="checkbox"/>	Reverse the ball.	<input type="checkbox"/>
Come here/come on.	<input type="checkbox"/>	Show me a bear.	<input type="checkbox"/>	Show the sign.	<input type="checkbox"/>
Do you know where _____ is?	<input type="checkbox"/>	Show me a cat.	<input type="checkbox"/>	Show the sign.	<input type="checkbox"/>
Do you want more?	<input type="checkbox"/>	Show me a cow.	<input type="checkbox"/>	Show to go for a ride?!	<input type="checkbox"/>
Show it to _____.	<input type="checkbox"/>	Show me a horse.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a pig.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a sheep.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a snake.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a toad.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a wolf.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a bear.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a cat.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a cow.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a dog.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a fish.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a giraffe.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a lion.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a monkey.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a snake.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a toad.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a wolf.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a bear.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a cat.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a cow.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a dog.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a fish.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a giraffe.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a lion.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a monkey.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a snake.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a toad.	<input type="checkbox"/>		
		Show me a wolf.	<input type="checkbox"/>		

Printed in U.S.A. Reprinted by permission of the Communication and Symbolic Usage Scales Group, Inc.

L.Fenson, P.Dale, S.Reznick, E.Bates, D.Thal, S.Pethick, 1994  
[www.sci.sdsu.edu/cdi/](http://www.sci.sdsu.edu/cdi/)



Fenson et al, 1994

# Vẻ Mặt

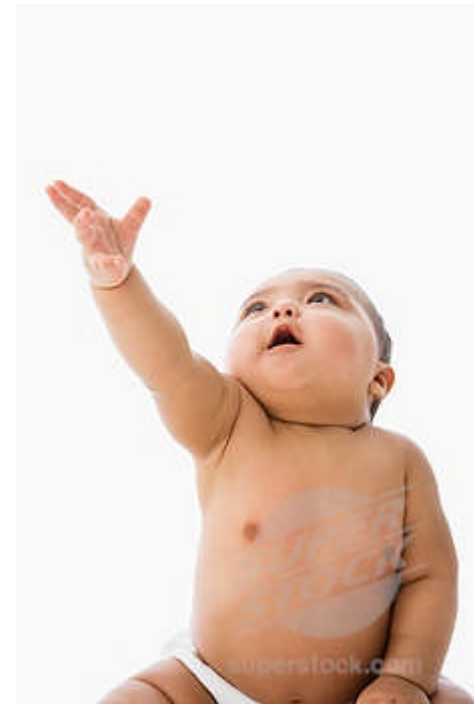


# Cử Chỉ Thói quen



Tomasello, 2003

# Cử Chỉ Chỉ Định



Tomasello, 2003

# Cử Chỉ Tượng Trưng



Tomasello, 2003

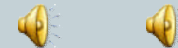
# Sự Quan Trọng Của Môi Trường

- Mối quan hệ giữa người mẹ và em bé rất quan trọng.
- Trong 6 tháng đầu, trẻ em phản ứng với môi trường không có chủ tâm.
- Người chăm sóc nhanh chóng nhận ra những dấu hiệu vui, đói, buồn ngủ, và bệnh của em bé.
- Em bé bắt đầu quen cách đáp lại của người chăm sóc.



# Sự Quan Trọng của Môi Trường

- Người chăm sóc thường lên xuống giọng, kéo dài các âm, và nói câu ngắn. Tiếng này giúp trẻ tập trung và hiểu ý nghĩa của cuộc giao tiếp.
- Sau 6 tháng, trẻ bắt đầu chủ tâm giao tiếp.





# Kỹ Năng Không Lời



- Biết thao tác với đồ vật.
- Tỏ ra thích tiếp xúc với đồ vật và người xung quanh.
- Chú ý đến đồ vật người khác chỉ, chỉ vào đồ vật để làm người khác chú ý.

# Những Từ Đầu Tiên



# Nguyên Tắc Học Hỏi Từ



- Trẻ em hiểu được nhiều từ hơn là nói được.
- Tên (danh từ) dễ học nhất vì mang tính cá thể hóa. Trẻ dễ đọc ý của người lớn khi liên kết tên và đồ vật.
- Trẻ em 18 tháng nói tiếng Anh - trung bình biết nói hơn 50 từ và hiểu được hơn 150 từ.
- Sau khi học được khoảng 50 từ, tốc độ học từ mới tăng lên. Càng học được nhiều từ, khả năng học từ càng nhanh.

Tomasello, 2003, *Constructing a Language*

# Học Từ Đầu Tiên: Yếu Tố Môi Trường



- Người lớn dùng từ khác khi nói chuyện với trẻ em.
- Những từ đầu tiên vừa có tần số xuất hiện cao vừa nổi bật trong môi trường.
- *Sưu Tầm Văn Việt Nam (Corpora of Vietnamese Texts)* của tác giả Phạm, Kohnert, & Carney gồm hơn 350 quyển sách thiếu nhi, có thể giúp chúng ta biết những từ nào có tần số xuất hiện cao trong lời văn của trẻ em.

Tomasello, 2003, *Constructing a Language*

# Xuất Hiện Nhiều Nhất Trong Sách Thiếu Nhi



1. con	11. được	21. vào	31. những	41. chúng
2. một	12. nói	22. mẹ	32. về	42. đó
3. và	13. người	23. ta	33. bé	43. ở
4. không	14. đến	24. tôi	34. anh	44. bà
5. có	15. lên	25. ông	35. khi	45. cái
6. đi	16. lại	26. trong	36. để	46. phải
7. là	17. nhà	27. làm	37. nó	47. ăn
8. cho	18. đã	28. cô	38. nhưng	48. sẽ
9. của	19. thấy	29. mình	39. thì	49. cả
10. ra	20. rồi	30. các	40. với	50. bạn

Phạm, Kohnert, & Carney, 2008, *Behavior Research Methods*, 40, 154-163.

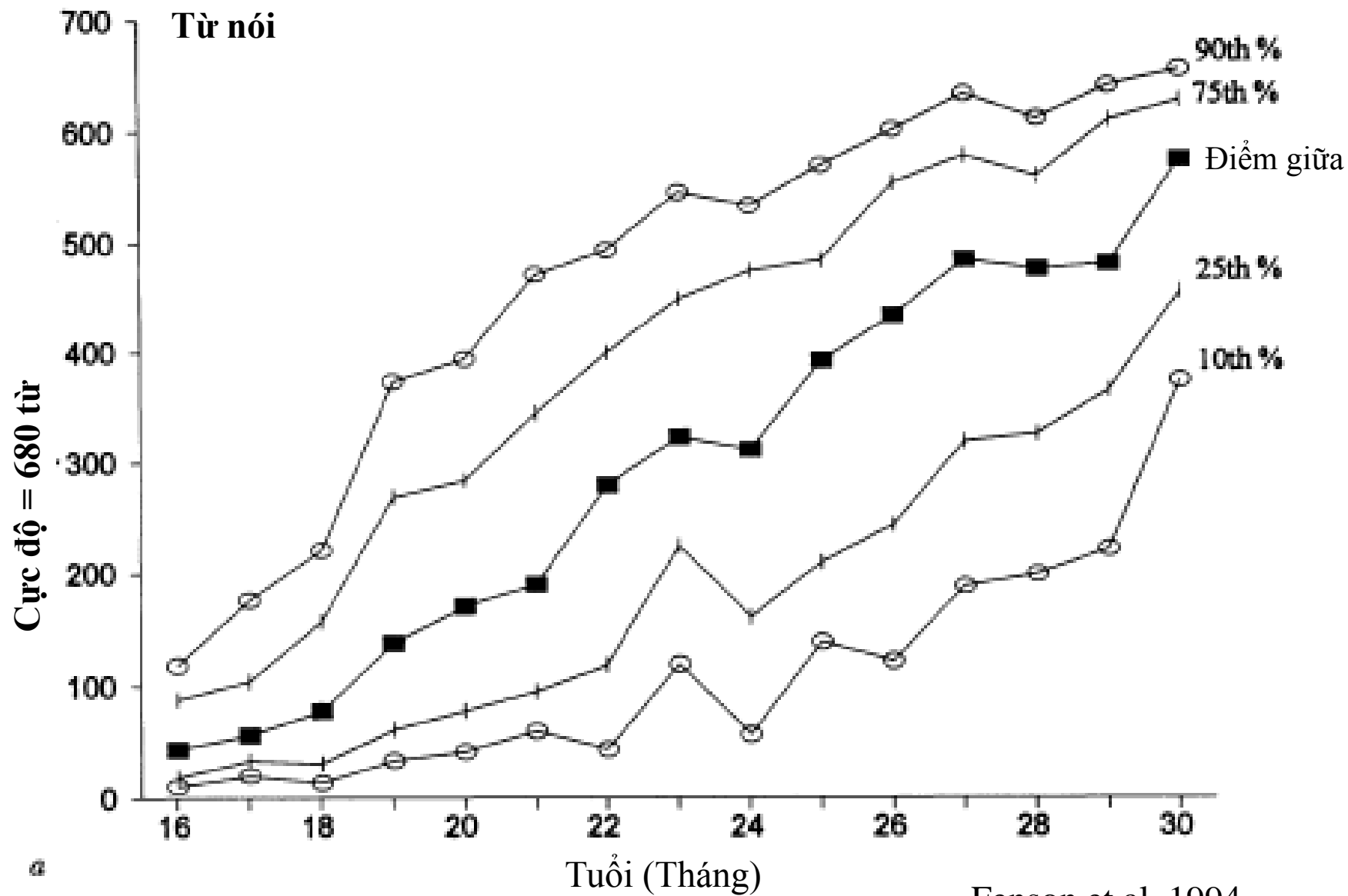
[www.vnspeechtherapy.com](http://www.vnspeechtherapy.com)

# Những từ đầu tiên



- Tên đồ vật (áo, đèn)
- Tên người trong gia đình (mẹ, ba)
- Hành động (bú, ăn)
- Từ xã hội (ạ, chào)
- Tính từ (lạnh, ướt)

Tomasello, 2003, *Constructing a Language*



Fenson et al, 1994

# Tóm Tắt Về Sự Phát Triển Ngôn Ngữ



- Trẻ em hiểu nhiều từ hơn có thể nói.
- Vốn từ của trẻ em bình thường rất rộng. Trẻ em 16 tháng trung bình nói được khoảng 50 từ. Tuy vậy, có trẻ tuổi này mới nói được vài từ, có trẻ nói hơn 200 từ.
- Những từ đầu tiên gồm nhiều loại từ. Trẻ em nói được 50 – 100 từ bao gồm danh từ và từ xã hội. Trẻ em nói hơn 100 từ bao gồm danh từ và vị ngữ.
- Trẻ giao tiếp không lời, nghĩa là tiếp xúc nhiều qua cử chỉ, nụ cười, và tiếng u ơ, sẽ mau nói được từ hơn. Trẻ có nhiều vốn từ sẽ mau ghép từ thành câu và trẻ nói được nhiều câu và kể được chuyện, sau này sẽ đọc và viết vững hơn.



# Ghép Từ Thành Câu



## Mốc Phát Triển

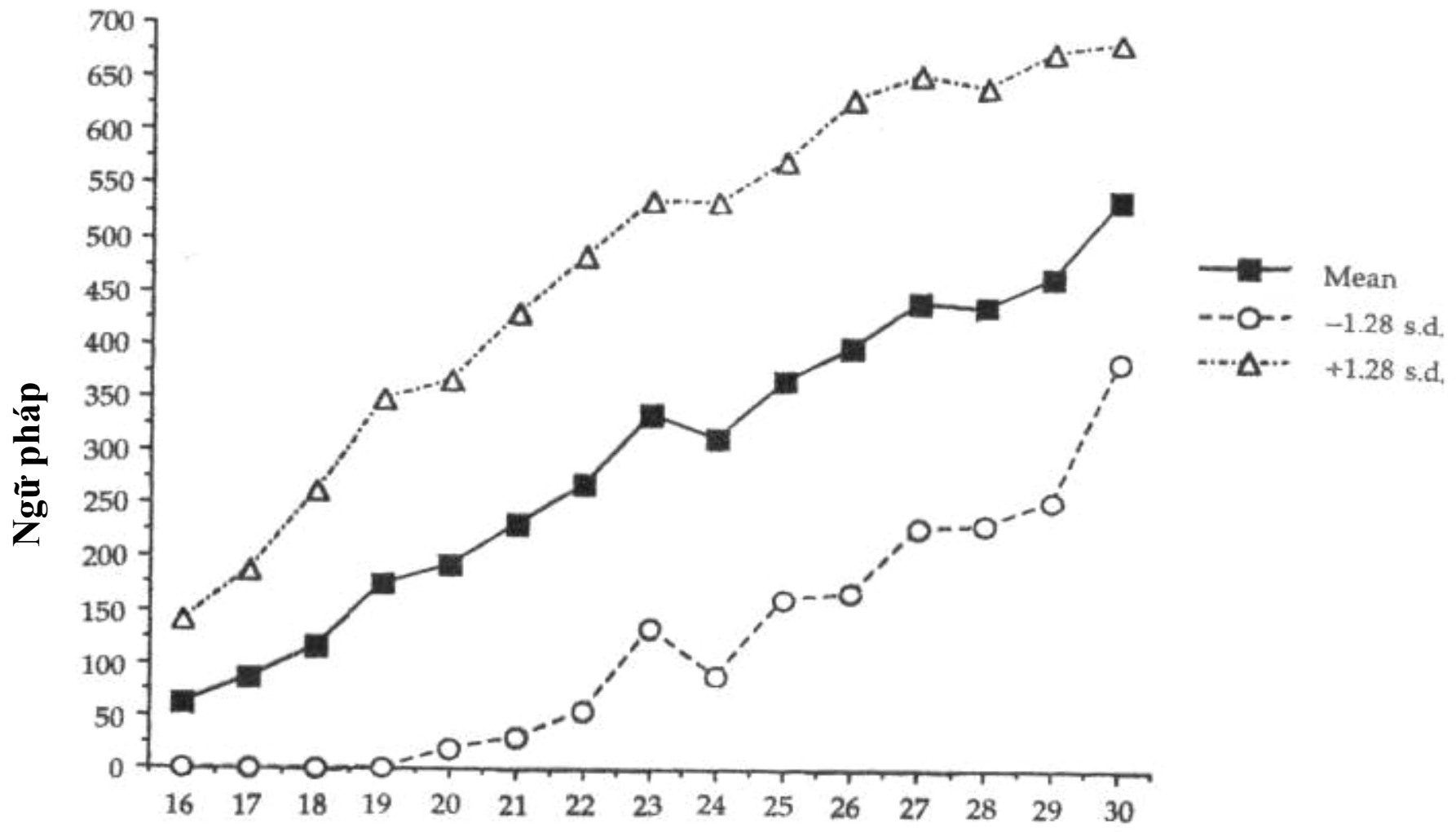


# Loại Câu



- Mô tả, “Banh lớn”
- Câu hỏi hoặc yêu cầu, “Ai đó?” “Ăm lên”
- Sở hữu, “Của con”
- Diễn tiếp, “Chơi nữa”
- Tác nhân + hành động, “Bướm bay”
- Từ chối, “Không ngủ”
- Vị trí, “Ở đó”

Cross, 2001



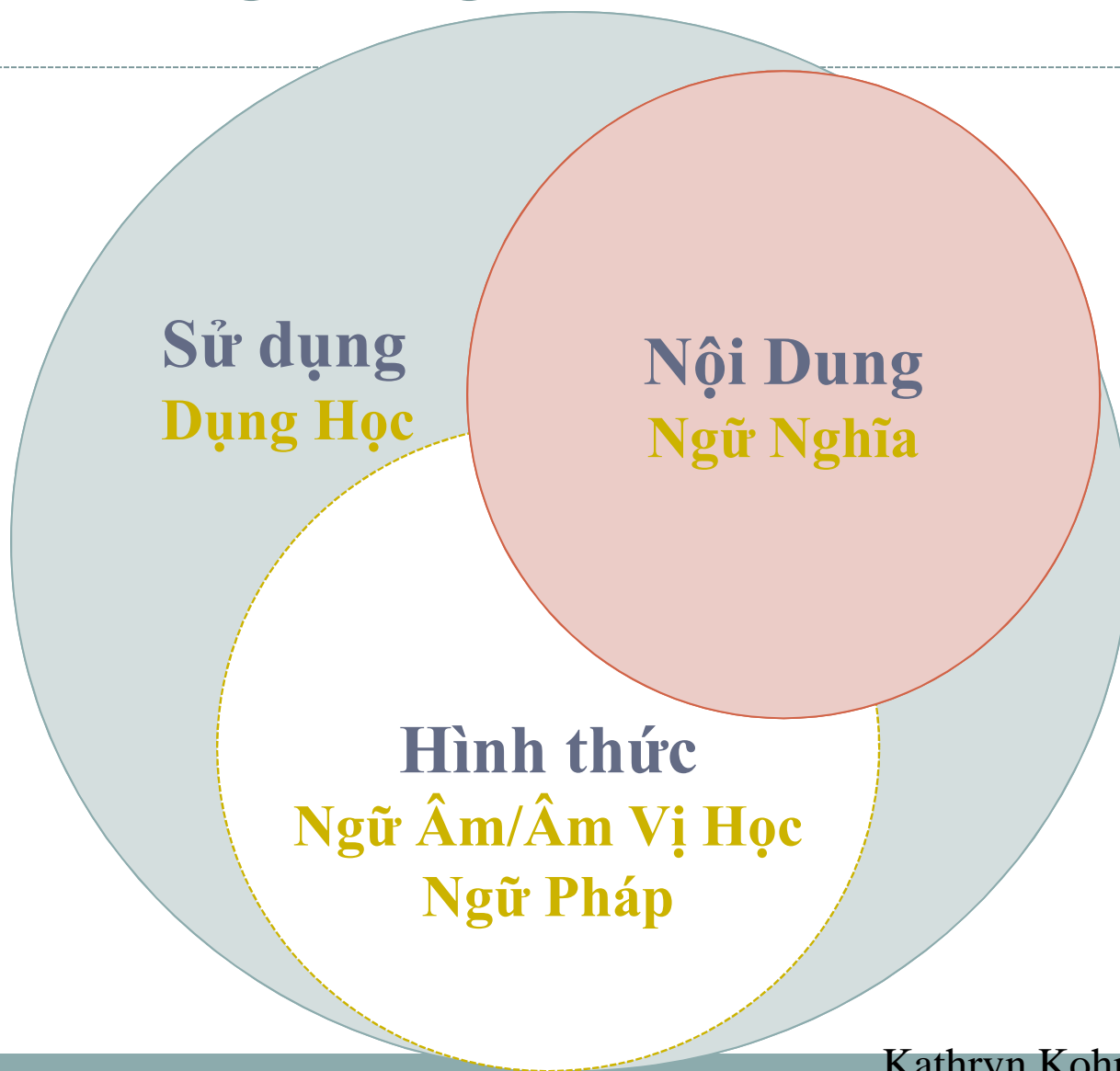
Vốn từ

Bates, Dale, & Thal, 1995

# Bước Vào Nhà Trường: Lớp Mẫu Giáo Đến Lớp 2



# Lĩnh Vực Ngôn Ngữ



# Sử Dụng Ngôn Ngữ: Chia Sẻ Thông Tin

- Hiểu và kể chuyện
- Hiểu và làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên
- Giúp các bạn sinh hoạt trong lớp.



# Sử Dụng Ngôn Ngữ: Điều Khiển Môi Trường

- Thuyết phục
- Chào hỏi
- Tham gia vào lớp học
- Tỏ cảm xúc
- Gây sự chú ý của người khác





# Sử Dụng Ngôn Ngữ: Tưởng Tượng

- Chơi sáng tạo
- Nói dối
- Đóng kịch
- Giả vờ



# Hình Thức



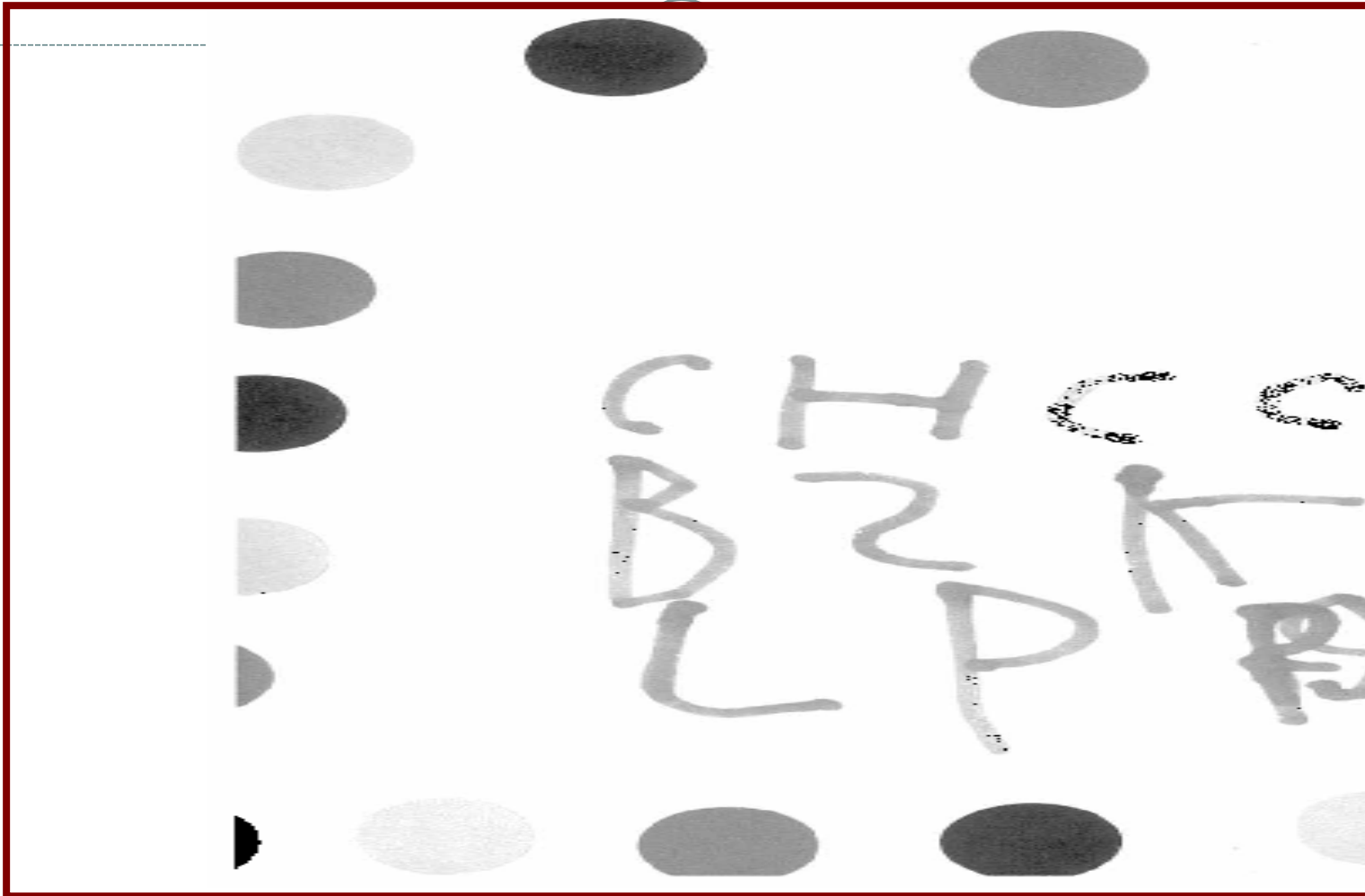
- Khi bước vào trường, lời nói của trẻ em dễ hiểu gần 100%. Tuy vậy, vẫn có một số âm trẻ có thể chưa phát âm rõ.
  - Âm r, s và phụ âm ghép trong tiếng Anh
  - Âm tr, r, và nguyên âm đôi trong tiếng Việt
- Văn phạm: Trẻ em bắt đầu nói những câu dài và phức tạp hơn.

# Nội Dung



- Đến 6 tuổi, trẻ em nói tiếng Anh có thể hiểu đến 24.000 từ.
- Khả năng định nghĩa của trẻ phát triển. Trẻ có thể hiểu một từ có nhiều ý nghĩa, và biết nên sử dụng từ trong hoàn cảnh nào. Trẻ bắt đầu hiểu nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.
- Ví dụ, nếu hỏi “Cá là con gì?”:
  - Trẻ 2-3 tuổi nói “Con cá bơi”
  - Trẻ 6-7 tuổi nói “Con cá bơi dưới nước”
  - Trẻ 8-9 tuổi nói “Con cá có vây, đẻ trứng, và sống dưới nước.”

# Tiền Viết



# Bài Viết của Trẻ Song Ngữ Việt Anh: Lớp Mẫu Giáo

Hãy viết tên xuống. Con thích chơi với đồ chơi gì nhất? Hãy kể về đồ chơi đó.



con thích con  
mèo và con mèo  
đi chơi. Em  
thích đi chơi em  
đi mua.

Hãy viết tên xuống. Con thích chơi với đồ chơi gì nhất? Hãy kể về đồ chơi đó.



Em thích ông Hê.  
Con đang chơi với  
ông Hê. Con đang  
ôm ông Hê.  
Con đang Bò ông Hê.  
bông

# Bài Viết của Trẻ Song Ngữ Việt Anh: Lớp 1

Viết tên của con lên tờ giấy. Chúng ta làm rất nhiều thứ ở trường. Hãy nghĩ về một việc con thích làm nhất ở trường. Hãy vẽ và viết về việc đó.



Con làm bài ở trường  
rất là nhiều con rất  
là vui tại vì con  
được đi học với  
lại con chơi ở trường.

Hãy viết tên xuống. Con thích chơi với đồ chơi gì nhất? Hãy kể về đồ chơi đó.



Con thích người nhện  
nó hài nó sạch bàn  
nhện nó cú người đánh  
người săn nó trị tội phạm

# Bài Viết của Trẻ Song Ngữ Việt Anh: Lớp 2

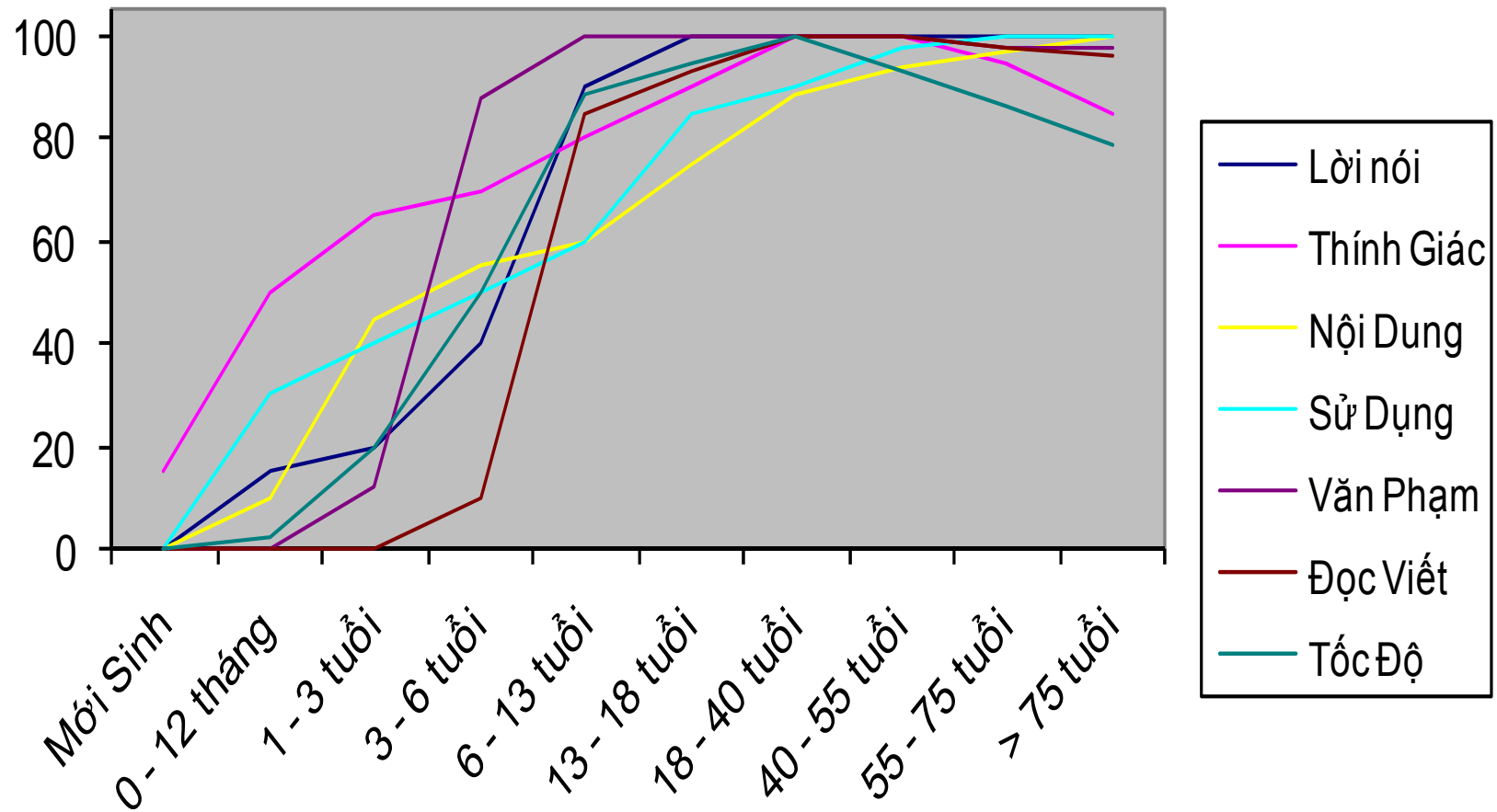
Bạn con phải đi khám răng. Con không muốn bạn con bị sợ. Hãy nghĩ về lúc con đi khám răng. Hãy viết một câu chuyện vui lúc con đi khám răng.

Khi con đi khám răng thì  
ba con nói với con nói với con  
là "Nhà sĩ sẽ không làm cho con  
đau đâu con đừng sợ". Thế là con để  
nhà sĩ làm răng của con cho  
song, rồi bác sĩ nói với con là  
"ngồi đây đợi một chút để bác sĩ  
đi lấy nước súc miệng cho con  
súc miệng nha" khi con súc miệng xong <sup>thì bác sĩ cho</sup>  
con thuốc để về nhà bôi, thế là  
bác sĩ đi nói với ba con là  
"hãy bôi thuốc cho con ông mỗi  
ngày sáng và tối"

Bạn con phải đi khám răng. Con không muốn bạn con bị sợ. Hãy nghĩ về lúc con đi khám răng. Hãy viết một câu chuyện vui lúc con đi khám răng.

Nếu bạn của con phải đi khám  
răng, thì con sẽ kể những gì vui  
khi đi nha sĩ. Nếu đi khám răng, sau  
khi khám xong thì nha sĩ sẽ cho con  
hình dán rất là đẹp. Nếu nhổ răng thì  
mình có một cái răng mới sẽ mọc lên.  
Nha sĩ nhổ răng cho mình thì tất nhiên  
là phải đau, nhưng nha sĩ sẽ chích  
thuốc tê cho mình đỡ đau. Con nhớ  
khi con đi nhổ răng ở Việt Nam,  
nha sĩ nhổ răng cho con, làm cho  
con đỡ đau, còn ba mẹ của con thì  
lo cho con hơn hàng ngày, tại  
vì con đau và khóc. Mẹ con nói  
nếu con đi nhổ răng hoặc là khám  
răng xong thì mẹ sẽ mua đồ chơi  
cho con, mẹ mua bánh cho con ăn  
luôn. Đi nhổ răng thì cũng có lái đây  
chỉ, con được hình dán nha sĩ cho,  
còn ba mẹ thì mua cho con đồ chơi  
và lo lắng cho con hơn mọi ngày.  
Con mong là bạn con cũng giống như  
con được nha sĩ lo, và ba mẹ cũng vậy!

# Giai Đoạn Giao Tiếp



Kathryn Kohnert, 2008